

# 11.12.2024. Khảo sát thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12 đến 36 tháng tuổi của giáo viên ở trường mầm non - Plagchecked.doc

*By van chi*

# Survey on assessing language competence of children aged 12 to 36 months by teachers in preschool

## ABSTRACT

45

Language serves as both a means of communication and a cognitive tool for human beings. During the early years of life, children undergo a rapid process of language formation and development within the family and classroom environments. Notably, the period from 12 to 36 months of age is a critical time for language development in children, as it represents a golden window for language acquisition through interactions with others in specific contexts. For children, language development plays a particularly vital role in cognitive growth, personality formation, and overall development. It serves as a tool for communication, learning, and play. Consequently, constructing an assessment toolkit for evaluating listening comprehension and expressive language abilities in children aged 12 to 36 months is of utmost importance. Our team conducted a survey to assess the current practices of language competence evaluation by teachers in preschools, providing practical insights for developing such an assessment toolkit.

**Keywords:** *Assessment, language competence, children aged 12 to 36 months.*

# Khảo sát thực trạng <sup>1</sup>đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ <sup>5</sup>12 đến 36 tháng tuổi của giáo viên ở trường mầm non

## TÓM <sup>1</sup>ẮT

Ngôn ngữ có chức năng giao tiếp và là công cụ tư duy của con người. Trong những năm đầu đời, trẻ em trải qua quá trình hình thành và phát triển <sup>6</sup>ngôn ngữ mạnh mẽ trong môi trường gia đình và lớp học. Đặc biệt, giai đoạn từ 12 đến 36 tháng tuổi là thời điểm vàng để phát triển ngôn ngữ cho trẻ <sup>7</sup>bởi đây là khoảng thời gian trẻ học nói thông qua các tiếp xúc với người khác trong những môi trường nhất định. Đối với trẻ em, sự phát triển ngôn ngữ đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc <sup>10</sup>hát triển tư duy, hình thành và phát triển nhân cách; là công cụ để trẻ giao tiếp, học tập <sup>47</sup>ì chơi. Vì vậy, việc xây dựng bộ công cụ đánh <sup>34</sup>á năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi là v <sup>18</sup>ing cấp thiết. Chúng tôi đã tiến hành khảo <sup>10</sup>thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ của giáo viên tại các trường mầm <sup>4</sup>n để làm căn cứ thực tiễn xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực <sup>4</sup>nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

**Từ khóa:** Đánh giá, năng lực ngôn ngữ, trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

## 1. MỞ ĐẦU

Trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi là thời kỳ rất nhạy cảm đối với sự phát triển ngôn ngữ. Chính trong thời kỳ này, <sup>1</sup>lĩnh hội ngôn ngữ mẹ đẻ diễn ra hiệu quả, có vai trò quan trọng mang tính quyết định đến sự hình <sup>3</sup>ành và phát triển toàn diện c <sup>1</sup>trẻ. Muốn phát triển ngôn ngữ cho trẻ, phải đánh <sup>1</sup>giá năng lực ngôn ngữ của trẻ. Bởi đây chính là cơ sở để nhà giáo dục có thể xác định được mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp tác động nhằm phát triển ng <sup>4</sup>ữ cho trẻ một cách hiệu quả. Việc kiểm tra sự phát triển <sup>30</sup>ôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi còn gặp <sup>27</sup>ều khó khăn, không thường xuyên và khó có thể xác định đ <sup>3</sup> chính xác khả năng ngôn ngữ của trẻ, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả <sup>32</sup>át triển ngôn ngữ cho trẻ. Để xây dựng được bộ công cụ đánh giá khả năng ngôn ngữ của trẻ độ tuổi này, chúng <sup>54</sup>ã tiến hành nghiên cứu thực tiễn qua <sup>4</sup>iệc khảo sát thực trạng đánh giá năng <sup>12</sup>c ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi của giáo viên tại các trường mầm non làm <sup>8</sup>ân cứ để xuất xây dựng bộ công cụ. Bài viết đ <sup>4</sup>i đây là kết quả khảo sát đánh giá năng <sup>13</sup>ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi (s <sup>13</sup> phẩm đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ mã số B2023.CM2.01).

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Một số vấn đề lý luận về đánh giá năng <sup>39</sup>lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng

#### 2.1.1. Một số khái niệm

Năng lực ngôn <sup>1</sup>ữ là khả năng lĩnh hội và truyền tải thông tin một cách hiệu quả thông qua ngôn ngữ; thể hiện ở các bình diện ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp (Dinh, 2018)<sup>1</sup>.

Năng lực nghe hiểu lời nói là khả năng người tiếp nhận lời nói nghe được âm thanh ngôn ngữ, hiểu ý nghĩa của âm thanh ấy trên cơ sở hiểu được ý nghĩa của từ, từ đó hiểu được nội <sup>1</sup>ng thông báo do câu và chuỗi câu mang lại. Đối với trẻ em, năng lực nghe hiểu <sup>31</sup>nói thể hiện ở việc trẻ nghe đúng âm thanh lời nói, hiểu và th <sup>52</sup>hiện được các yêu cầu bằng lời nói <sup>1</sup>hoặc trả lời được câu hỏi của người khác. Sự phát triển của năng lực nghe hiểu lời nói phản ánh sự phát triển của ngôn ngữ th <sup>1</sup>động (Nguyen et al., 2023)<sup>2</sup>.

Năng lực sử dụng lời nói là khả năng truyền tải thông điệp có chủ định bằng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp xã hội (*ngôn ngữ chủ động*, expressive language). Đây là khả năng người nói sử dụng được các kỹ năng ngôn ngữ như phát âm, sử dụng từ, đặt câu và liên kết câu để bi <sup>1</sup>ểu <sup>1</sup>ạt được nội dung giao tiếp bằng ngôn ngữ. Năng lực sử dụng lời nói ở trẻ nếu được trau dồi, rèn luyện đúng cách, đúng mức, có thể giúp đưa trẻ thực hiện được các hoạt động khác nhau trong cuộc sống, góp phần phát triển toàn diện nhân cách trẻ (Nguyen et al., 2023)<sup>2</sup>.

Đánh giá năng lực ngôn ngữ của một đối tượng là quá t <sup>1</sup>h thu thập các dữ kiện về năng lực ngôn ngữ của đối tượng đó và đưa ra nhận định về mức độ đạt được theo các tiêu chí về

năng lực ngôn ngữ của độ tuổi đã được xác định trong các tiêu chuẩn (Nguyen et al., 2023).

### 2.1.2. Tầm quan trọng của việc đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Phát triển ngôn ngữ là một lĩnh vực quan trọng đối với cuộc sống của mỗi con người, đặc biệt là đối với trẻ em lứa tuổi mầm non - lứa tuổi mà trẻ đã trên con đường phát triển và hoàn thiện về các chức năng sinh lý cũng như tâm lý.

Ngôn ngữ là yếu tố có vai trò quan trọng mang tính quyết định đến sự hình thành và phát triển toàn diện trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi. Sự hình thành ngôn ngữ là cơ sở mang tính nền tảng cho sự phát triển các quá trình tâm lý nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ... và sự phát triển các dạng hoạt động cơ bản của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi như hoạt động với đồ vật, hoạt động học tập, vui chơi, các hoạt động vệ sinh, ăn uống và tự phục vụ bản thân... Vì vậy, ngôn ngữ có thể được coi là phương tiện quan trọng giúp trẻ tư duy và lĩnh hội nền văn hóa của tộc, biểu đạt suy nghĩ, ý kiến, tình cảm của bản thân với cha mẹ, bạn bè, cô giáo và những người lớn xung quanh trẻ (Dang et al., 2021).

Để giúp trẻ 12 đến 36 tháng tuổi lĩnh hội và phát triển ngôn ngữ một cách trọn vẹn, hiệu quả, giáo viên mầm non phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ để nhận biết được tình trạng phát triển bình thường về ngôn ngữ hay không, có khả năng nghe hiểu lời nói của mọi người cũng như diễn đạt những suy nghĩ, ý kiến và mong muốn của bản thân bằng lời nói cho người khác hiểu hay không. Từ đó, giáo viên có thể đưa ra các biện pháp tác động phù hợp với từng cá nhân trẻ nhằm giúp trẻ phát triển ngôn ngữ một cách đầy đủ, trọn vẹn, đúng như sự phát triển mà lứa tuổi của trẻ phải đạt được. Kết quả đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ là cơ sở cần thiết để người giáo viên mầm non xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ, theo dõi sát sao quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ ở từng giai đoạn. Mặt khác, kết quả này còn là thông tin cần thiết để thông báo cho cha mẹ trẻ về khả năng nghe hiểu và sử dụng lời nói của trẻ trong các hoạt động diễn ra trong chế độ sinh hoạt hằng ngày của trẻ ở trường mầm non.

### 2.1.3. Mục đích đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Miller<sup>4</sup> đã giới thiệu 3 mục đích khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, trong đó có trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi, cụ thể như sau:

- Nhằm phát hiện những vấn đề bất bình thường tiềm ẩn trong ngôn ngữ của trẻ.
- Nhằm đánh giá được năng lực ngôn ngữ hiện tại của trẻ.
- Nhằm mục đích can thiệp sớm và đánh giá hiệu quả của việc can thiệp sớm.

### 2.1.4. Nội dung đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi biểu hiện cụ thể ở 2 lĩnh vực: nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói. Cả hai năng lực này đều liên quan đến việc nhận thức và hiểu biết về các sự vật (object) hoặc sự kiện (events), đến việc hiểu nghĩa của từ và dùng từ cũng như các nguyên tắc sắp xếp các từ để tạo thành câu theo cấu trúc ngữ pháp, đến việc phát âm theo những quy tắc, chuẩn mực nhất định để có thể thực hiện được hoạt động giao tiếp trong xã hội.

Chính vì vậy khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, phải xây dựng được các hạng mục kiểm tra bao gồm đầy đủ các yếu tố nói trên, cụ thể là các hạng mục kiểm tra xây dựng để đánh giá năng lực ngôn ngữ cho trẻ phải bao gồm cả việc nghe hiểu lời nói và việc sử dụng lời nói của trẻ. Mỗi lĩnh vực đều bao gồm đầy đủ các nội dung được xây dựng để đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ theo các yếu tố của ngôn ngữ như khả năng phát âm, việc hiểu nghĩa của từ và câu, khả năng dùng từ, đặt câu của trẻ.

### 2.1.5. Phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Miller<sup>4</sup> đã đưa ra 4 phương pháp đánh giá ngôn ngữ của trẻ, cụ thể là đánh giá tiêu chuẩn hóa (Standardization test), đánh giá sự phát triển (Development standard), đánh giá phi tiêu chuẩn hóa (Non-standardization test), và quan sát hành động (Action observe). Trình tự đánh giá phải được lựa chọn dựa theo mục đích đánh giá. Khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi có thể áp dụng nhiều phương pháp đánh giá tùy thuộc mục đích đánh giá, căn cứ vào trình tự và cách thức tiến hành test, có thể chia phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ ra làm 2 phương pháp lớn:

Thứ nhất, phương pháp kiểm tra trực tiếp của người kiểm tra trên đối tượng kiểm tra. Ở phương pháp kiểm tra này, người kiểm tra

phải tiến hành trực tiếp trên đối tượng trẻ và phải thực hiện theo một trình tự nghiêm ngặt, từ việc trực tiếp kiểm tra từng hạng mục của bộ công cụ, trực tiếp quan sát và ghi chép kết quả, đến việc trực tiếp chấm điểm và tính điểm cho trẻ.

Thứ hai, phương pháp kiểm tra gián tiếp như là quan sát hành động của trẻ hoặc phỏng vấn bố mẹ/ người trực tiếp chăm sóc trẻ.

Phương pháp kiểm tra trực tiếp có thể mang lại một kết quả khách quan có độ tin cậy và tính chính xác cao. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp như độ tuổi của trẻ quá nhỏ hoặc trẻ có những biểu hiện không bình thường cần phải kiểm tra để cụ thể hóa những bất thường ở trẻ, người ta thường chọn phương pháp kiểm tra gián tiếp như quan sát hành động hay phỏng vấn bố mẹ hoặc những người chăm sóc trẻ.

## 2.2. Khảo sát thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng

### 2.2.1. Mục đích khảo sát

Nhằm tìm hiểu và phân tích thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi của giáo viên tại các trường mầm non, từ đó xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

### 2.2.2. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát gồm: mức độ thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

### 2.2.3. Đối tượng, phạm vi khảo sát

Đối tượng khảo sát là 275 giáo viên mầm non đang làm công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi tại các trường mầm non của một số tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ. Trong đó có 71 giáo viên có thâm niên công tác dưới 5 năm (chiếm tỉ lệ 25.8%), 115 giáo viên có thâm niên công tác từ 5 đến 10 năm (chiếm tỉ lệ 41.8%), 89 giáo viên có thâm niên công tác trên 10 năm (chiếm tỉ lệ 32.4%).

### 2.2.4. Phương thức khảo sát: Khảo sát online bằng Google Form

### 2.2.5. Kết quả khảo sát

#### 2.2.5.1. Mức độ thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ

Nội dung khảo sát về mức độ thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng, kết quả thu được thể hiện cụ thể qua bảng 1 dưới đây.

**Bảng 1.** Mức độ thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng

| TT | Mức độ         | Số lượng   | Tỉ lệ %    |
|----|----------------|------------|------------|
| 1  | Thường xuyên   | 257        | 93.5       |
| 2  | Thỉnh thoảng   | 18         | 6.5        |
| 3  | Hiếm khi       | 0          | 0.0        |
| 4  | Không đánh giá | 0          | 0.0        |
|    | <b>Tổng</b>    | <b>275</b> | <b>100</b> |

Kết quả thống kê từ bảng 1 cho thấy, hầu hết giáo viên mầm non thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi (chiếm tỉ lệ 93.5%); chỉ có 18 giáo viên mầm non (chiếm tỉ lệ 6.5%) thỉnh thoảng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi; không có giáo viên mầm non nào không đánh giá hoặc hiếm khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ. Điều này cho thấy, giáo viên mầm non thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, để từ đó xây dựng và thực hiện các kế hoạch giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

#### 2.2.5.2. Về nội dung đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Năng lực ngôn ngữ của trẻ gồm năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói, khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ đánh giá đầy đủ cả 2 năng lực này. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

**Bảng 2.** Nội dung đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

| TT | Nội dung đánh giá  | Số lượng   | Tỉ lệ %    |
|----|--------------------|------------|------------|
| 1  | Nghe hiểu lời nói  | 62         | 22.55      |
| 2  | Sử dụng lời nói    | 59         | 21.45      |
| 3  | Cả 2 năng lực trên | 152        | 55.27      |
| 4  | Ý kiến khác        | 2          | 0.73       |
|    | <b>Tổng</b>        | <b>275</b> | <b>100</b> |

Kết quả khảo sát thu được từ bảng 2 cho thấy, có 152 giáo viên mầm non (chiếm tỉ lệ 55.27%) đánh giá đầy đủ cả năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ. Có 62 giáo viên mầm non (chiếm tỉ lệ 22.55%) chỉ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói của trẻ, 59 giáo viên mầm non (chiếm tỉ lệ 21.45%) chỉ đánh giá năng lực sử dụng lời nói của trẻ. Như vậy, có khoảng 44% giáo viên được khảo sát đánh giá chưa đầy đủ năng lực ngôn ngữ của trẻ. Có 2 ý kiến của giáo viên mầm non (chiếm tỉ lệ 0.73%) cho rằng, khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, họ thường đánh giá theo tiêu chí là ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ biểu đạt.

### 2.2.5.3. Về phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Để đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ đầy đủ, chính xác, khách quan, giáo viên có thể sử dụng các phương pháp đánh giá như quan sát, trò chuyện, trắc nghiệm chuẩn hóa, bảng kiểm... Kết quả khảo sát về phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi thu được cụ thể như sau:

**Bảng 3** Phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

| TT | Phương pháp đánh giá                                                                        | Số lượng | Tỉ lệ % |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1  | Quan sát những biểu hiện của trẻ trong hoạt động ngôn ngữ thông qua các hoạt động hằng ngày | 246      | 89.45   |
| 2  | Đánh giá năng lực ngôn ngữ thông qua các trắc nghiệm chuẩn hóa hoặc bảng kiểm               | 12       | 4.36    |
| 3  | Trò chuyện với phụ huynh/người chăm sóc trẻ về năng lực ngôn ngữ của trẻ                    | 187      | 68.0    |
| 4  | Phương pháp khác                                                                            | 0        | 0.00    |

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, phương pháp quan sát những biểu hiện của trẻ trong hoạt động ngôn ngữ thông qua các hoạt động hằng ngày được giáo viên sử dụng nhiều nhất (chiếm tỉ lệ 89.45%), tiếp đến là phương pháp trò chuyện với phụ huynh/người chăm sóc trẻ về năng lực ngôn ngữ của trẻ (chiếm tỉ lệ 68.0%), phương pháp trắc nghiệm chuẩn hóa hoặc bảng kiểm ít được giáo viên sử dụng (chiếm tỉ lệ 4.36%). Thực tiễn ở các cơ sở giáo dục mầm non hiện nay ở nước ta, có rất ít các giáo viên thực hiện chuẩn hóa hoặc bảng kiểm đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

### 2.2.5.4. Về công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Để đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi, giáo viên mầm non đã và đang sử dụng các công cụ đánh giá cụ thể như sau:

**Bảng 4** Công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

| TT | Công cụ đánh giá     | Số lượng | Tỉ lệ % |
|----|----------------------|----------|---------|
| 1  | Phiếu quan sát những | 178      | 64.73   |

|   |                                                                                            |    |      |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|----|------|
|   | biểu hiện của trẻ trong hoạt động ngôn ngữ thông qua các hoạt động hằng ngày               |    |      |
| 2 | Trắc nghiệm Denver II hoặc bảng kiểm phát triển                                            | 12 | 4.36 |
| 3 | Trò chuyện với phụ huynh/người chăm sóc để thu thập thông tin về năng lực ngôn ngữ của trẻ | 85 | 30.9 |
| 4 | Công cụ khác                                                                               | 0  | 0.00 |

Bảng 4 cho thấy, giáo viên mầm non sử dụng tương đối đa dạng các công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi, trong đó công cụ đánh giá chủ yếu là phiếu quan sát những biểu hiện của trẻ trong hoạt động ngôn ngữ thông qua các hoạt động hằng ngày (chiếm tỉ lệ 64.73%), tiếp đến là phiếu trò chuyện với phụ huynh/người chăm sóc để thu thập thông tin về năng lực ngôn ngữ của trẻ (chiếm tỉ lệ 30.9%), các trắc nghiệm chuẩn hóa như trắc nghiệm Denver II, bảng kiểm phát triển ít được giáo viên sử dụng (chiếm tỉ lệ 4.36%). Nguyên nhân là nhiều trường mầm non chưa có các bộ công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, giáo viên mầm non chưa được tiếp cận, hướng dẫn cách sử dụng một số công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi. Vì vậy, rất cần xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

Tóm lại, lực ngôn ngữ trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi cho thấy, hầu hết giáo viên mầm non thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng; về nội dung đánh giá: 55.27% giáo viên mầm non đánh giá đầy đủ cả năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ; 22.55% giáo viên mầm non chỉ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói của trẻ; 21.45% giáo viên mầm non chỉ đánh giá năng lực sử dụng lời nói của trẻ; Về phương pháp đánh giá, phương pháp quan sát được giáo viên mầm non sử dụng nhiều nhất (89.45%), tiếp đến là phương pháp trò chuyện (68.0%), phương pháp trắc nghiệm chuẩn hóa hoặc bảng kiểm ít được giáo viên sử dụng (4.36%); Về công cụ đánh giá, giáo viên mầm non sử dụng tương đối đa dạng các công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, trong đó công cụ được giáo viên mầm non sử dụng nhiều là phiếu quan sát, phiếu trò chuyện, các

trắc nghiệm chuẩn hóa hoặc bảng kiểm ít được sử dụng.

### 3. KẾT LUẬN

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, nhận thức được vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của ngôn ngữ đối với phát triển toàn diện của trẻ mầm non, nhiều nhà nghiên cứu đã tiến hành các nghiên cứu sâu về khả năng ngôn ngữ của trẻ. Tuy nhiên, chưa thấy có tác giả nào đi sâu nghiên cứu về công cụ để đánh giá mức độ phát triển ngôn ngữ dành cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ. Kết quả khảo sát cho thấy sự thiếu hụt về công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 - 36 tháng tuổi cũng như việc kiểm tra sự phát triển ngôn ngữ của trẻ còn gặp nhiều khó khăn, không thường xuyên và khó có thể xác định được chính xác khả năng ngôn ngữ của trẻ. Chính vì vậy, đây là một lĩnh vực cần phải sự đầu tư và nghiên cứu sâu để xây dựng ra một bộ công cụ hỗ trợ giáo viên trong việc đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ. Bộ công cụ này không chỉ giúp cho giáo viên mầm non đang trực tiếp dạy các nhóm trẻ trong độ tuổi từ 12 - 36 tháng tuổi đánh giá được sự phát triển ngôn ngữ của từng trẻ, từ đó lựa chọn ra nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục phù hợp tác động để giúp trẻ phát triển ngôn ngữ được tốt nhất, mà còn giúp cho giảng viên sư phạm và sinh viên chuyên ngành Giáo dục Mầm non có tư liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, học tập. Ngoài ra, bộ công cụ còn giúp phụ huynh của trẻ có thể đánh giá được năng lực ngôn ngữ của con em mình để chủ động tìm đến sự tư vấn chuyên môn khi phát hiện con em có vấn đề về ngôn ngữ.

# 11.12.2024. Khảo sát thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12 đến 36 tháng tuổi của giáo viên ở trường mầm non - Plagchecked.doc

ORIGINALITY REPORT

63%

SIMILARITY INDEX

## PRIMARY SOURCES

|   |                                                                        |                  |
|---|------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 1 | <a href="#">tailieu.vn</a><br>Internet                                 | 1291 words — 31% |
| 2 | <a href="#">text.123docz.net</a><br>Internet                           | 132 words — 3%   |
| 3 | <a href="#">Hanoi National University of Education</a><br>Publications | 115 words — 3%   |
| 4 | <a href="#">benh.com.vn</a><br>Internet                                | 100 words — 2%   |
| 5 | <a href="#">vista.gov.vn</a><br>Internet                               | 93 words — 2%    |
| 6 | <a href="#">tottochancare.wordpress.com</a><br>Internet                | 82 words — 2%    |
| 7 | <a href="#">sangkienkinhnghiem.com</a><br>Internet                     | 39 words — 1%    |
| 8 | <a href="#">www.authorstream.com</a><br>Internet                       | 30 words — 1%    |
| 9 | <a href="#">ussh2021conference.weebly.com</a><br>Internet              | 29 words — 1%    |

|    |                                                                                                      |                 |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 10 | <a href="http://kynangnghiepvusupham.blogspot.com">kynangnghiepvusupham.blogspot.com</a><br>Internet | 28 words — 1%   |
| 11 | <a href="http://123docz.net">123docz.net</a><br>Internet                                             | 23 words — 1%   |
| 12 | <a href="http://doc.edu.vn">doc.edu.vn</a><br>Internet                                               | 22 words — 1%   |
| 13 | <a href="http://cokhivietnam.vn">cokhivietnam.vn</a><br>Internet                                     | 21 words — 1%   |
| 14 | <a href="http://luanvan.org">luanvan.org</a><br>Internet                                             | 21 words — 1%   |
| 15 | <a href="http://qlkh-htqt.sptwnt.edu.vn">qlkh-htqt.sptwnt.edu.vn</a><br>Internet                     | 21 words — 1%   |
| 16 | <a href="http://text.123doc.org">text.123doc.org</a><br>Internet                                     | 21 words — 1%   |
| 17 | <a href="http://thuvienphapluat.vn">thuvienphapluat.vn</a><br>Internet                               | 21 words — 1%   |
| 18 | <a href="#">Hanoi Pedagogical University 2</a><br>Publications                                       | 19 words — < 1% |
| 19 | <a href="#">Hanoi University of Public Health</a><br>Publications                                    | 19 words — < 1% |
| 20 | <a href="http://luanvan.co">luanvan.co</a><br>Internet                                               | 19 words — < 1% |
| 21 | <a href="http://text.xemtailieu.net">text.xemtailieu.net</a><br>Internet                             | 19 words — < 1% |

|    |                                                                                                                                                                                                                                      |                 |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 22 | Ton Duc Thang University<br>Publications                                                                                                                                                                                             | 18 words — < 1% |
| 23 | Hanoi University<br>Publications                                                                                                                                                                                                     | 17 words — < 1% |
| 24 | hoangmai.hanoi.gov.vn<br>Internet                                                                                                                                                                                                    | 17 words — < 1% |
| 25 | thietbimamnonhavu.com<br>Internet                                                                                                                                                                                                    | 17 words — < 1% |
| 26 | stdb.hnue.edu.vn<br>Internet                                                                                                                                                                                                         | 16 words — < 1% |
| 27 | tnu.edu.vn<br>Internet                                                                                                                                                                                                               | 16 words — < 1% |
| 28 | luatminhkhue.vn<br>Internet                                                                                                                                                                                                          | 14 words — < 1% |
| 29 | cochlear.com.vn<br>Internet                                                                                                                                                                                                          | 13 words — < 1% |
| 30 | Phạm T.T., Nông Nguyễn K.N., Ngô H.C.. "Người mua và dịch vụ môi trường rừng ngập mặn tiềm năng tại Hải Phòng, Việt Nam", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2020<br>Crossref | 12 words — < 1% |
| 31 | bengoisao.vn<br>Internet                                                                                                                                                                                                             | 12 words — < 1% |
| 32 | bktech.hut.edu.vn<br>Internet                                                                                                                                                                                                        | 12 words — < 1% |

|    |                                                                  |                 |
|----|------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 33 | thuvien.due.udn.vn:8080<br>Internet                              | 12 words — < 1% |
| 34 | websrv2.dthu.edu.vn<br>Internet                                  | 12 words — < 1% |
| 35 | www.tailieudaihoc.com<br>Internet                                | 12 words — < 1% |
| 36 | McShane. Encyclopedia of Juvenile Justice<br>Publications        | 11 words — < 1% |
| 37 | myphamglamor.com<br>Internet                                     | 11 words — < 1% |
| 38 | ptlambao.blogspot.dk<br>Internet                                 | 11 words — < 1% |
| 39 | vjol.info.vn<br>Internet                                         | 11 words — < 1% |
| 40 | www.thanglong.edu.vn<br>Internet                                 | 11 words — < 1% |
| 41 | anhvuongspecschool.edu.vn<br>Internet                            | 10 words — < 1% |
| 42 | chungnhanhopchuantheptamcannonglientuc.wordpress.com<br>Internet | 10 words — < 1% |
| 43 | mbs.com.vn<br>Internet                                           | 10 words — < 1% |
| 44 | tai-lieu.com<br>Internet                                         | 10 words — < 1% |

|    |                                                                                                |                 |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 45 | <a href="http://www.researchgate.net">www.researchgate.net</a><br>Internet                     | 10 words — < 1% |
| 46 | <a href="http://jst.udn.vn">jst.udn.vn</a><br>Internet                                         | 9 words — < 1%  |
| 47 | <a href="http://khunglongcon.net">khunglongcon.net</a><br>Internet                             | 9 words — < 1%  |
| 48 | <a href="http://mythuat.info">mythuat.info</a><br>Internet                                     | 9 words — < 1%  |
| 49 | <a href="http://www.khoahocphothong.com.vn">www.khoahocphothong.com.vn</a><br>Internet         | 9 words — < 1%  |
| 50 | <a href="http://www.thienthancuame.edu.vn">www.thienthancuame.edu.vn</a><br>Internet           | 9 words — < 1%  |
| 51 | <a href="http://xahoinhanvan.cdsptw.edu.vn">xahoinhanvan.cdsptw.edu.vn</a><br>Internet         | 9 words — < 1%  |
| 52 | <a href="http://bacsi247.org">bacsi247.org</a><br>Internet                                     | 8 words — < 1%  |
| 53 | <a href="http://documents.mx">documents.mx</a><br>Internet                                     | 8 words — < 1%  |
| 54 | <a href="http://ducgiang.longbien.hanoi.gov.vn">ducgiang.longbien.hanoi.gov.vn</a><br>Internet | 8 words — < 1%  |
| 55 | <a href="http://dulieu.tailieuhoctap.vn">dulieu.tailieuhoctap.vn</a><br>Internet               | 8 words — < 1%  |
| 56 | <a href="http://khxh.dthu.edu.vn">khxh.dthu.edu.vn</a><br>Internet                             | 8 words — < 1%  |

|    |                                                                                          |                |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 57 | <a href="http://quandoankienan.org.vn">quandoankienan.org.vn</a><br>Internet             | 8 words — < 1% |
| 58 | <a href="http://toc.123docz.net">toc.123docz.net</a><br>Internet                         | 8 words — < 1% |
| 59 | <a href="http://tuvisomenh.com.vn">tuvisomenh.com.vn</a><br>Internet                     | 8 words — < 1% |
| 60 | <a href="http://www.nordangliaeducation.com">www.nordangliaeducation.com</a><br>Internet | 8 words — < 1% |
| 61 | <a href="http://www.vuithich.com">www.vuithich.com</a><br>Internet                       | 8 words — < 1% |
| 62 | <a href="http://ngoaingu.hlu.edu.vn">ngoaingu.hlu.edu.vn</a><br>Internet                 | 7 words — < 1% |
| 63 | <a href="http://vndoc.com">vndoc.com</a><br>Internet                                     | 6 words — < 1% |

EXCLUDE QUOTES OFF  
EXCLUDE BIBLIOGRAPHY OFF

EXCLUDE SOURCES OFF  
EXCLUDE MATCHES OFF